

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bổ sung kinh phí theo chỉ tiêu biên chế giao năm 2013**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3285/TTr-STC-HCSN ngày 21/11/2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ sung kinh phí theo chỉ tiêu biên chế năm 2013 cho các Sở: Nội vụ, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngoại vụ với tổng số tiền: **622.240.000 đồng** (*Sáu trăm hai mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn*), chi tiết như Phụ lục kèm theo.

Nguồn kinh phí thực hiện:

- Nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2013 là 229.560.000 đồng, trong đó: nguồn chi cho biên chế sự nghiệp kinh tế chờ phân bổ 189.000.000 đồng và nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế hợp tác với Lào 40.560.000 đồng.

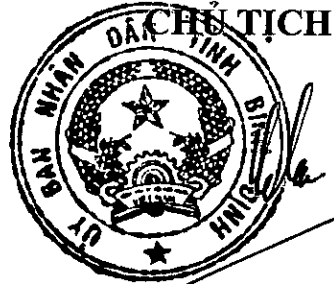
- Điều chỉnh giảm 392.680.000 đồng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế (kinh phí quy hoạch) chưa phân bổ trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2013, đồng thời tăng tương ứng nguồn chi hành chính ngân sách tỉnh để bổ sung cho các đơn vị.

**Điều 2.** Các đơn vị có tên tại Điều 1 có trách nhiệm sử dụng kinh phí được bổ sung đúng mục đích và thực hiện thanh, quyết toán tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngoại vụ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *ok*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3, K6, K12, K13, K17. *Phu*



**Lê Hữu Lộc**



Phụ lục

**BẢNG TÍNH NHU CẦU TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ THEO LƯƠNG SỐ BIÊN CHẾ TĂNG NĂM 2013**

Kam theo Quyết định số: 3598/QĐ-UBND, ngày 28/11/2013 của UBND tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

| TT       | Nội dung                                      | Tổng lương<br>và các khoản<br>PC theo<br>lương | Chi khác     |              | BS KP thiết bị phương tiện làm việc<br>theo Quyết định số 170/2006/QĐ-TTg |              | Tổng kinh phí<br>bổ sung |
|----------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------|
|          |                                               |                                                | Định mức     | Thành tiền   | Định mức                                                                  | Thành tiền   |                          |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>                              | <b>515,91</b>                                  |              | <b>52,33</b> |                                                                           |              | <b>622,24</b>            |
| <b>A</b> | <b>Chi hành chính</b>                         | <b>286,35</b>                                  | <b>26,00</b> | <b>52,33</b> |                                                                           | <b>54,00</b> | <b>392,68</b>            |
| <b>1</b> | <b>Sở Nội vụ</b>                              | <b>67,92</b>                                   |              | <b>48,00</b> | <b>18,00</b>                                                              | <b>36,00</b> | <b>151,92</b>            |
|          | Ban Tôn giáo                                  | 14,45                                          | 0            | 0            | 0                                                                         | 0            | 14,45                    |
|          | Văn phòng Sở Nội vụ                           | 24,00                                          | 24,00        | 48,00        | 18,00                                                                     | 36,00        | 108,00                   |
|          | Ban Thi đua - Khen thưởng                     | 29,47                                          | 0            | 0            | 0                                                                         | 0            | 29,47                    |
| <b>2</b> | <b>Sở Công thương</b>                         | <b>65,87</b>                                   | <b>0</b>     | <b>0</b>     | <b>0</b>                                                                  | <b>0</b>     | <b>65,87</b>             |
|          | Chi cục Quản lý thị trường                    | 65,87                                          | 0            | 0            | 0                                                                         | 0            | 65,87                    |
| <b>3</b> | <b>Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn</b> | <b>146,84</b>                                  | <b>0</b>     | <b>0</b>     | <b>0</b>                                                                  | <b>0</b>     | <b>146,84</b>            |
|          | Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT              | 118,68                                         | 0            | 0            | 0                                                                         | 0            | 118,68                   |
|          | Chi cục QLCL Nông lâm sản và Thủy sản         | 28,17                                          | 0            | 0            | 0                                                                         | 0            | 28,17                    |
| <b>4</b> | <b>Sở Ngoại Vụ</b>                            | <b>5,72</b>                                    | <b>26,00</b> | <b>4,33</b>  | <b>18,00</b>                                                              | <b>18,00</b> | <b>28,05</b>             |
| <b>B</b> | <b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>                  | <b>229,56</b>                                  | <b>0</b>     | <b>0</b>     | <b>0</b>                                                                  | <b>0</b>     | <b>229,56</b>            |
|          | <b>Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn</b> | <b>229,56</b>                                  | <b>0</b>     | <b>0</b>     | <b>0</b>                                                                  | <b>0</b>     | <b>229,56</b>            |
|          | VP Điều phối CTMTQG XD Nông. thôn mới         | 78,93                                          | 0            | 0            | 0                                                                         | 0            | 78,93                    |
|          | Trung tâm Khuyến nông, khuyến ngư             | 28,49                                          | 0            | 0            | 0                                                                         | 0            | 28,49                    |
|          | Ban Quản lý Rừng đặc dụng An Toàn             | 76,07                                          | 0            | 0            | 0                                                                         | 0            | 76,07                    |
|          | Ban Quản lý KST Côn chim- Đầm thị nại         | 46,07                                          |              |              | 0                                                                         | 0            | 46,07                    |

ck